TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2023
V/v: "*Ly hôn giữa chị P với anh T*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Quân

2. Bà Phạm Thị Ngọc Vân

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 776/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị P, sinh năm 1979; Địa chỉ: 120/7 X, phường Y, quận Z, TP. M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Hồ Thị Nệ - Văn phòng Luật sư Hồ Thị Nệ - Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1979; HKTT: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh G; Cư trú: 306 K, tổ 1, khu phố A, phường B, TP. T, tỉnh G.

Chị P, chị Nệ, anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2020

đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 21/10/2004 và Lê Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 12/5/2006. Hiện hai cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh T vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị P khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị P có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có nơi cư trú tại phường 5, thành phố Mỹ Tho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị P và anh T cưới nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh vào năm 2004 là phù hợp với Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị P khai là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy anh T đã được Tòa án triệu tập đến để hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy phía anh T không có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian sống ly thân giữa chị P và anh T đã kéo dài mà không giải quyết được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Lê Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 21/10/2004 và Lê Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 12/5/2006. Hiện hai cháu đang sống chung với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét thấy hiện cháu Ngọc và cháu Đạt cũng đang sống trực tiếp với chị P nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống của các cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt, cũng như hai cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P và đề nghị của Kiểm sát viên, giao cháu Ngọc và cháu Đạt cho chị P trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị P và anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 21/10/2004 và Lê Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 12/5/2006 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 23199 ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- UBND phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Chi Cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc